

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC TÂN UYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 61 /QĐ-UBND

Bắc Tân Uyên, ngày 18 tháng 07 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân huyện Bắc Tân Uyên năm 2021

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 128/NQ-HĐND ngày 22/12/2020 của Hội đồng nhân dân huyện về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi và phân bổ ngân sách địa phương năm 2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tại Tờ trình số 27^{tt}/TTr-PTCKH ngày 15/01/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2021 của UBND huyện Bắc Tân Uyên (Đính kèm các biểu mẫu số 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87, 88, 89, 90, 91, 92).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Chi Cục trưởng Chi Cục thuế, Giám đốc Kho bạc nhà nước huyện, Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể của huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã – thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Sở KH & ĐT tỉnh;
- TTHU-TTHĐND;
- UBND TQVN huyện;
- CT, các PCT;
- LĐVP;
- Lưu: VT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Thái Thanh Bình



Biểu số 81/CK-NSNN

CÂN ĐÓNGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số: 61 / QĐ-UBND ngày 18 / 01 / 2021 của UBND huyện Bắc Tân Uyên)

ĐVT: Triệu đồng

S T T	Nội dung	Dự toán
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH HUYỆN	810.054
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	251.667
-	Thu NSDP hưởng 100%	153.479
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	98.188
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	455.057
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	440.896
2	Thu bổ sung có mục tiêu	14.161
III	Thu kết dư	103.330
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	810.054
I	Tổng chi cân đối NSDP	810.054
1	Chi đầu tư phát triển	197.809
2	Chi thường xuyên	593.745
3	Dự phòng ngân sách	18.500
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	
5	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
II	Chi các chương trình mục tiêu	0
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	

CÂN ĐỐI NGUỒN THU, NS CẤP HUYỆN VÀ NS CẤP XÃ NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 61 / QĐ-UBND ngày 18/07/2021 của UBND huyện Bắc Tân Uyên)

ĐVT: Triệu đồng

S T T	Nội dung	Dự toán
A	B	C
A	NGÂN SÁCH HUYỆN	
I	Nguồn thu ngân sách	806.124
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	247.737
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	455.057
	Thu bổ sung cân đối ngân sách	440.896
	Thu bổ sung có mục tiêu	14.161
3	Thu kết dư	103.330
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	0
II	Chi ngân sách	806.124
1	Chi nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện	642.176
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp xã	163.948
-	Chi bổ sung cân đối ngân sách	161.948
-	Chi bổ sung có mục tiêu	2.000
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau	0
B	NGÂN SÁCH XÃ	
I	Nguồn thu ngân sách	167.878
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	3.930
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện	163.948
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	161.948
-	Thu bổ sung có mục tiêu	2.000
3	Thu kết dư	0
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	0
II	Chi ngân sách	167.878

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số: 61 / QĐ-UBND ngày 18 / 01 / 2021 của UBND huyện Bắc Tân Uyên)

ĐVT: Triệu đồng

S T T	Nội dung	Dự toán	
		Tổng thu NSNN	Thu NS huyện
A	B	1	2
	TỔNG THU NSNN	552.060	251.667
I	Thu nội địa	552.060	251.667
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý		0
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	-	0
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	-	0
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	281.668	135.545
	- Thuế giá trị gia tăng	132.224	47.601
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	96.093	34.593
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt		
	- Thuế môn bài		
	- Thuế tài nguyên	53.351	53.351
	- Phí bảo vệ môi trường		
	- Thu khác		
5	Thuế thu nhập cá nhân	44.428	15.994
6	Thuế bảo vệ môi trường		
7	Lệ phí trước bạ	23.052	23.052
8	Thu phí, lệ phí	23.756	21.356
-	Phí và lệ phí trung ương	2.400	
-	Phí và lệ phí tỉnh		
-	Phí và lệ phí huyện	20.796	20.796
-	Phí và lệ phí xã, phường	560	560
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.339	1.339
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	38.050	38.050
12	Thu tiền sử dụng đất	109.479	
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết		
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
16	Thu khác ngân sách	25.957	12.000
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	4.331	4.331
II	Thu viện trợ		

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 61 /QĐ-UBND ngày 18 / 07 / 2021 của UBND huyện Bắc Tân Uyên)

ĐVT: Triệu đồng

S T T	Nội dung	Ngân sách địa phương	Bao gồm	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	810.054	642.176	167.878
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	810.054	642.176	167.878
I	Chi đầu tư phát triển	197.809	195.809	2.000
1	Chi đầu tư cho các dự án	197.809	195.809	2.000
	Trong đó: Chia theo lĩnh vực	0		
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	0		0
-	Chi khoa học và công nghệ	0		
	Trong đó: Chia theo nguồn vốn	0		
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	0		
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	0		
2	Chi đầu tư phát triển khác	0		
II	Chi thường xuyên	593.745	431.385	162.360
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	128.708	123.441	5.267
2	Chi khoa học và công nghệ	606	606	
III	Dự phòng ngân sách	18.500	14.982	3.518
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	0		
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	0	0	0
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia (Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)			
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ (Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu, nhiệm vụ)			
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU			

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN, XÃ THEO LĨNH VỰC NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số: 61 / QĐ-UBND ngày 18 / 1 / 2021 của UBND huyện Bắc Tân Uyên)

ĐVT: Triệu đồng

S T T	Nội dung	Dự toán	Trong đó	
			Huyện	Xã
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI HUYỆN	810.054	642.176	167.878
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH XÃ			
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN, XÃ THEO LĨNH VỰC	810.054	642.176	167.878
I	Chi đầu tư phát triển	197.809	195.809	2.000
1	Chi đầu tư cho các dự án	197.809	195.809	2.000
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	0		
-	Chi quốc phòng	0		
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	0		
-	Chi y tế, dân số và gia đình	0		
-	Chi văn hóa thông tin	0		
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	0		
-	Chi thể dục thể thao	0		
-	Chi bảo vệ môi trường	0		
-	Chi các hoạt động kinh tế	0		
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	0		
-	Chi bảo đảm xã hội	0		
-	Chi đầu tư khác	0		
2	Chi đầu tư phát triển khác	0		
II	Chi thường xuyên	593.745	431.385	162.360
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	128.708	123.441	5.267
-	Chi khoa học và công nghệ (3)	606	606	
-	Chi quốc phòng	38.153	11.915	26.238
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	21.691	11.144	10.547
-	Chi y tế, dân số và gia đình	31.808	30.955	853
-	Chi văn hóa thông tin	8.236	5.218	3.018
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	3.601	1.737	1.864
-	Chi thể dục thể thao	7.712	3.643	4.069
-	Chi bảo vệ môi trường	34.723	32.723	2.000
-	Chi các hoạt động kinh tế	115.462	103.468	11.994
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	145.682	60.014	85.668
-	Chi bảo đảm xã hội	32.940	29.359	3.581
-	Chi thường xuyên khác	24.423	17.162	7.261
III	Dự phòng ngân sách	18.500	14.982	3.518
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	0		
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU			

ĐU TOÀN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số: 61 / QĐ-UBND ngày 18 / 01 / 2021 của UBND huyện Bắc Tân Uyên)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình mục tiêu quốc gia)	Chi thường xuyên (không kể chương trình mục tiêu quốc gia)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
							Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
	Tổng số	589.214	197.809	372.905	18.500	-	-	-	-	-
I	Các cơ quan tổ chức	568.714	195.809	372.905	-	-	-	-	-	-
	Đơn vị Sự nghiệp	358.315	195.809	162.506	-	-	-	-	-	-
1	Trung Tâm Bồi Dưỡng Chính Trị	2.091		2.091						
2	Sự nghiệp mầm non	43.663		43.663						
3	Sự nghiệp tiểu học	59.189		59.189						
4	Sự nghiệp trung học cơ sở	9.618		9.618						
5	Trung tâm y tế	20.955		20.955						
6	Trung tâm văn hóa TT & TT	10.598		10.598						
7	Trạm Thủy nông	8.640		8.640						
8	Trạm Thú y	5.240		5.240						
9	Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp	2.512		2.512						
10	Ban Quản lý dự án	195.809	195.809	-						
	Khối cơ quan QLNN	165.230	-	165.230	-	-	-	-	-	-
1	Văn phòng HĐND-UBND	7.389		7.389						
2	Phòng Kinh tế	7.943		7.943						
3	Phòng Tài nguyên - Môi trường	13.572		13.572						
4	Phòng Tư pháp	1.492		1.492						

5	Phòng Tài chính - Kế hoạch	1.704		1.704						
6	Phòng Giáo dục	1.820		1.820						
7	Phòng Y tế	761		761						
8	Phòng Lao Động TBXH	23.196		23.196						
9	Phòng Văn hóa - TT	6.361		6.361						
10	Phòng Quản lý Đô thị	93.743		93.743						
11	Phòng Nội vụ	5.915		5.915						
12	Thanh tra Nhà nước	1.334		1.334						
	Khối Đảng, Đoàn thể	20.661	-	20.661	-	-	-	-	-	-
1	Văn phòng Huyện ủy	10.086		10.086						
2	UB Mặt trận Tổ quốc	1.340		1.340						
3	Huyện Đoàn	4.746		4.746						
4	Hội LH Phụ nữ	2.342		2.342						
5	Hội Nông dân	1.081		1.081						
6	Hội Cựu Chiến binh	1.066		1.066						
	Các Tổ chức xã hội và xã hội nghề nghiệp	1.449	-	1.449	-	-	-	-	-	-
1	Hội Chữ Thập đỏ	893		893						
2	Hội người Mù	369		369						
3	Chi hội Người tiêu dùng	187		187						
	Đơn vị khác	23.059	-	23.059	-	-	-	-	-	-
1	Công An	11.295		11.295						
2	Huyện Đội	11.764		11.764						
II	Chi dự phòng ngân sách	18.500			18.500					
III	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	-				-				
IV	Chi bổ sung có mục tiêu cho ngân sách xã	2.000	2.000							
V	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	-								



ĐU TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
CHO TỪNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THEO LĨNH VỰC NĂM 2021
 (Kèm theo Quyết định số 61 /QĐ-UBND ngày 18 / 01 / 2021 của UBND huyện Bắc Tân Uyên)

ĐVT: Triệu đồng

S T T	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tán	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi đầu tư khác
													Chi giao thông nông thôn	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG SỐ	197.809	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.000	2.000	-	-	-	195.809
1	Cấp huyện	195.809	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	195.809
	Ban Quản lý dự án	195.809															195.809
2	Cấp xã	2.000										2.000	2.000	-	-	-	-
2.1	Tân Thành	200										200	200				
2.2	Đất Cuốc	200										200	200				
2.3	Tân Mỹ	200										200	200				
2.4	Thường Tân	200										200	200				
2.5	Lạc An	200										200	200				-
2.6	Hiếu Liêm	200										200	200				
2.7	Tân Định	200										200	200				
2.8	Tân Lập	200										200	200				
2.9	Bình Mỹ	200										200	200				
2.10	Tân Bình	200										200	200				

S T T	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thẻ dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
A	Cấp huyện	372.905	114.561	606	11.764	11.295	20.955	5.218	3.643	1.737	26.284	98.468	56.700	20.892	58.015	20.359	0
I	Đơn vị Sự nghiệp	162.506	114.561	0	0	0	20.955	5.218	3.643	1.737	0	16.392	0	16.392	0	0	0
1	Trung Tâm Bồi Dưỡng Chính Trị	2.091	2.091														
2	Sự nghiệp mầm non	43.663	43.663														
3	Sự nghiệp tiểu học	59.189	59.189														
4	Sự nghiệp trung học cơ sở	9.618	9.618														
5	Trung tâm y tế	20.955					20.955										
6	Trung tâm văn hóa TT & TT	10.598						5.218	3.643	1.737							
7	Trạm Thủy nông	8.640										8.640		8.640			
8	Trạm Thú y	5.240										5.240		5.240			
9	Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp	2.512										2.512		2.512			
II	Khối cơ quan QLNN	165.230	0	606	0	0	0	0	0	0	26.284	82.076	56.700	4.500	35.905	20.359	0
1	Văn phòng HĐND-UBND	7.389													7.389		
2	Phòng Kinh tế	7.943		606								4.500		4.500	2.837		
3	Phòng Tài nguyên - Môi trường	13.572									9.284	2.876			1.412		
4	Phòng Tư pháp	1.492													1.492		
5	Phòng Tài chính - Kế hoạch	1.704													1.704		
6	Phòng Giáo dục	1.820													1.820		

[illegible]



Biểu số 89/CK-NSNN

DỰ TOÁN THU, SƠ BỐ SUNG VÀ DỰ TOÁN CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 61 / QĐ-UBND ngày 18/1 / 2021 của UBND huyện Bắc Tân Uyên)

ĐVT: Triệu đồng

S T T	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	Chia ra		Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	Thu kết dư	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Tổng chi cân đối NSDP	
				Thu NSDP hưởng 100%	Thu phân chia					
					Tổng số					Trong đó: Phần NSDP được hưởng
A	B	1	2=3+5	3	4	5	6	7	8	9=2+6+7+8
	Cấp xã	167.878,4	3.960	3.960	0	0	163.918	0,0	0,0	167.878
1	Tân Thành	16.792,0	590	590			16.202,0			16.792,0
2	Đất Cuốc	14.616,5	720	720			13.896,5			14.616,5
3	Tân Mỹ	17.126,0	310	310			16.816,0			17.126,0
4	Thường Tân	16.181,6	560	560			15.621,6			16.181,6
5	Lạc An	16.642,9	400	400			16.242,9			16.642,9
6	Hiếu Liêm	14.437,3	370	370			14.067,3			14.437,3
7	Tân Định	18.712,1	300	300			18.412,1			18.712,1
8	Tân Lập	16.358,3	40	40			16.318,3			16.358,3
9	Bình Mỹ	17.854,2	310	310			17.544,2			17.854,2
10	Tân Bình	19.157,5	360	360			18.797,5			19.157,5



DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU
TỪ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2021
 (Kèm theo Quyết định số: 61/QĐ-UBND ngày 18 / 1 / 2021 của UBND huyện Bắc Tân Uyên)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	Bổ sung vốn sự nghiệp để thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	Bổ sung thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia
A	B	1=2+3+4	2	3	4
	<i>Không phát sinh</i>				
	TỔNG SỐ				
1	Xã A				
2	Phường B				
3	Thị trấn C				
...	...				

(Kèm theo Quyết định số: 61 /QĐ-UBND ngày 18/11/2021 của UBND huyện Bắc Tân Uyên)

[illegible]

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

(Kèm theo Tờ trình số: 61 / TTr-PTCKH ngày 18 / 1 / 2021 của phòng TCKH huyện Bắc Tân Uyên)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2020				Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2020				Kế hoạch vốn năm 2021							
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư được duyệt			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn					
							Ngoài nước	Ngân sách huyện			...	Ngoài nước			Ngân sách huyện	...			Ngoài nước	Ngân sách huyện		...	Ngoài nước	Ngân sách huyện
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20			
	Tổng số					506.512	-	492.119	-	129.329	-	129.329	-	129.329	-	129.329		197.800		197.800				
	LĨNH VỰC GIAO THÔNG					177.809	-	177.809	-	77.709	-	77.709	-	77.709	-	77.709		56.188		56.188				
	Ban Quản lý dự án					177.809	-	177.809	-	77.709	-	77.709	-	77.709	-	77.709		46.188		46.188				
	Thực hiện dự án					177.809	-	177.809	-	77.709	-	77.709	-	77.709	-	77.709		46.188		46.188				
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021 -2025					67.503	-	67.503	-	-	-	-	-	-	-	-		23.667		23.667	-			
1	Nâng cấp BTN tuyến đường giao thông từ giáp đường Tân Thành 62 đến đường Tân Thành 01	Tân Thành	Cấp IV	2021-2023	2780; 11/09/2019	6.593		6.593										2.310		2.310				
2	Nâng cấp BTN đường Tân Thành 28	Tân Thành	Cấp IV	2021-2023	4354; 19/12/2019	4.392		4.392										1.550		1.550				
3	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường DH.436 (giai đoạn 1)	Đất Cuốc	Cấp III	2021-2023	3647; 31/12/2020	14.999		14.999										5.250		5.250				
4	Nâng cấp BTXM đường Tân Bình 23, Tân Bình 44	Tân Bình	Cấp IV	2021-2023	2976; 12/11/2020	7.522		7.522										2.632		2.632				
5	Nâng cấp BTXM đường Thường Tân 29 (giai đoạn 1), Thường Tân 32	Thường Tân	Cấp IV	2021-2023	2976; 12/11/2020	6.500		6.500										2.300		2.300				
6	Nâng cấp BTXM đường Tân Mỹ 01	Tân Mỹ	Cấp IV	2021-2023	2976; 12/11/2020	9.000		9.000										3.150		3.150				
7	Nâng cấp BTXM đường Tân Định 52 - nhánh 1	Tân Định	Cấp IV	2021-2023	2976; 12/11/2020	6.999		6.999										2.450		2.450				
8	Nâng cấp BTXM đường Tân Lập 08, Tân Lập 17, Tân Lập 38 và Tân Lập 15 (giai đoạn 2)	Tân Lập	Cấp IV	2021-2023	2976; 12/11/2020	4.999		4.999										1.750		1.750				
9	Nâng cấp BTXM đường Bình Mỹ 21, Bình Mỹ 38 - nhánh 3, Bình Mỹ 46	Bình Mỹ	Cấp IV	2021-2023	2976; 12/11/2020	6.499		6.499										2.275		2.275				
b	Dự án chuyển tiếp					42.119		42.119	-	16.961	-	16.961	-	16.961	-	16.961		19.414		19.414				

1	Nâng cấp BTN đường Tân Thành 23 nối dài (đoạn từ cuối đường Tân Thành 23 đến giáp đường Tân Thành 13)	Tân Thành	Cấp IV	2020-2022	3497; 29/10/2019	4.761		4.761		1.705		1.705		1.705		2.700		2.700
2	Nâng cấp BTXM đường Tân Bình 39, 56	Tân Bình	Cấp IV	2020-2022	3494; 29/10/2019	5.498		5.498		1.950		1.950		1.950		2.750		2.750
3	Nâng cấp BTXM đường Bình Mỹ 10, 27, 33	Bình Mỹ	Cấp IV	2020-2023	3496; 29/10/2019	7.191		7.191		2.550		2.550		2.550		3.676		3.676
4	Nâng cấp BTXM đường Lạc An 30	Lạc An	Cấp IV	2020-2022	3510; 30/10/2020	5.999		5.999		2.100		2.100		2.100		3.000		3.000
5	Nâng cấp BTXM đường Thường Tân 21, Thường Tân 24	Thường Tân	Cấp IV	2020-2022	3509; 30/10/2020	5.499		5.499		1.925		1.925		1.925		2.750		2.750
6	Nâng cấp BTXM đường Đất Cuốc 02, Đất Cuốc 08 (giai đoạn 1)	Đất Cuốc	Cấp IV	2020-2022	3508; 30/10/2020	6.859		6.859		2.275		2.275		2.275		4.000		4.000
7	Nâng cấp BTN đường GTNT Tân Lập 02 (đoạn từ Km1+000 đến	Tân Lập	Cấp IV	2020-2022	1015; 16/05/2016	5.248		5.248		3.730		3.730		3.730		338		338
8	Nâng cấp bê tông nhựa đường Bình Mỹ 37	Bình Mỹ	Cấp IV	2020-2022	1740; 07/09/2015	1.064		1.064		726		726		726		200		200
c	Dự án thanh toán khối lượng					68.187		68.187	-	60.747	-	60.747	-	60.747	-	60.747		3.107
1	Nâng cấp BTN đường Thường Tân 02	Thường Tân	Cấp IV	2019-2021	2988; 29/10/2018	2.844		2.844		2.558		2.558		2.558		88		88
2	Nâng cấp đường Hiếu Liêm 03 (giai đoạn 2)	Hiếu Liêm	Cấp IV	2019-2021	2966; 26/10/2018	14.689		14.689		12.786		12.786		12.786		307		307
3	Mở mới tuyến đường từ Hiếu Liêm 14 đến Hiếu Liêm 16	Hiếu Liêm	Cấp IV	2019-2021	2967; 26/10/2018	8.000		8.000		7.253		7.253		7.253		322		322
4	Nâng cấp BTN đường Tân Mỹ 03	Tân Mỹ	Cấp IV	2019-2021	2987; 29/10/2018	8.975		8.975		7.928		7.928		7.928		803		803
5	Nâng cấp BTXM đường Thường Tân 28	Thường Tân	Cấp IV	2019-2021	3009; 30/10/2018	3.497		3.497		2.914		2.914		2.914		312		312
6	Nâng cấp BTN đường Đất Cuốc 06	Đất Cuốc	Cấp IV	2019-2021	1017; 16/05/2015	4.222		4.222		3.657		3.657		3.657		296		296

7	Nâng cấp BTN đường Lạc An 86	Lạc An	Cấp IV	2019-2021	3010; 30/10/2018	5.498	5.498	4.816	4.816	4.816	4.816	556	556
8	Nâng cấp BTN đường Tân Định 30	Tân Định	Cấp IV	2019-2021	2971; 26/10/2018	5.500	5.500	5.173	5.173	5.173	5.173	123	123
9	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH.415 (đoạn từ giáp ĐH.411 đến hồ Đa Bàn)	Đất Cuốc	Cấp III	2018-2021	2400; 16/08/2017	14.962	14.962	13.663	13.663	13.663	13.663	300	300
II	Phòng Quản lý đô thị					-	-	-	-	-	-	10.000	10.000
1	Thực hiện dự án					-	-	-	-	-	-	10.000	10.000
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021 -2025					-	-	-	-	-	-	10.000	10.000
1	Nâng cấp, mở rộng sới đồ đường Bình Mỹ 12	Bình Mỹ	cấp IV	2021-2023		-	-					10.000	10.000
B	LĨNH VỰC XÂY DỰNG KHU DÂN CƯ, TÁI ĐỊNH CƯ					-	-	-	-	-	-	1.053	1.053
I	Ban Quản lý dự án					-	-	-	-	-	-	1.053	1.053
1	Thực hiện dự án					-	-	-	-	-	-	1.053	1.053
a	Dự án chuẩn bị đầu tư					-	-					500	500
1	Khu tái định cư huyện Bắc Tân Uyên	Đất Cuốc	Cấp III	2022-2025		-	-					500	500
b	Dự án thanh toán khối lượng					-	-	-	-	-	-	553	553
1	Khu dân cư, tái định cư xã Lạc An (giai đoạn 2)	Đất Cuốc	Cấp III	2022-2025		-	-					553	553
C	LĨNH VỰC KHÁC (HỖ TRỢ BỒI THƯỜNG)					5.200	5.200	1.407	1.407	1.407	1.407	1.901	1.901
I	Ban Quản lý dự án					5.200	5.200	1.407	1.407	1.407	1.407	1.901	1.901
1	Thực hiện dự án					5.200	5.200	1.407	1.407	1.407	1.407	1.901	1.901
a	Dự án thanh toán khối lượng					5.200	5.200	1.407	1.407	1.407	1.407	1.901	1.901
1	Xây dựng Đài tưởng niệm Liệt sỹ huyện Bắc Tân Uyên (Bồi thường, hỗ trợ)	Đất Cuốc		2018-2020	2942; 26/10/2018	437	437	370	370	370	370	3	3
2	Bồi thường, hỗ trợ xây dựng Trường THCS Bình Mỹ	Bình Mỹ		2018-2020	2934; 26/10/2018	1.895	1.895	-	-	-	-	1.883	1.883
3	Trường THPT Lê Lợi (Bồi thường, hỗ trợ)	Tân Thánh		2018-2020	2935; 26/10/2018	188	188	153	153	153	153	2	2

4	Trung tâm văn hóa xã Tân Định (giai đoạn 1) và phần đất dự trữ xây dựng Trường THCS Tân Định (Bồi thường, hỗ trợ)	Tân Định		2018-2020	2905; 25/10/2018	1.115	1.115	561	561	561	561	8	8
5	Bồi thường, hỗ trợ nâng cấp, mở rộng tuyến đường Tân Thành 27 đến trung tâm Sở Chỉ huy	Tân Thành		2018-2020	2906; 25/10/2018	225	225	222	222	222	222	3	3
6	Trung tâm văn hóa xã Lạc An (Bồi thường, hỗ trợ)	Lạc An		2018-2020	2944; 26/10/2018	1.272	1.272	44	44	44	44	1	1
7	Đường vào trụ sở mới BCH quân sự huyện (Bồi thường, hỗ trợ)	Tân Thành		2018-2020	2943; 26/10/2018	68	68	57	57	57	57	1	1
D	LĨNH VỰC GIÁO DỤC - Y TẾ					29.971	29.971	-	-	-	-	50.000	50.000
I	Ban Quản lý dự án					29.971	29.971	-	-	-	-	50.000	50.000
1	Thực hiện dự án					29.971	29.971	-	-	-	-	50.000	50.000
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021 -2025					29.971	29.971	-	-	-	-	50.000	50.000
1	Trạm y tế xã Tân Mỹ	Tân Mỹ	Cấp III	2021-2023	2976; 12/11/2020	14.982	14.982					10.000	10.000
2	Trạm y tế xã Lạc An	Lạc An	Cấp III	2021-2023	2976; 12/11/2020	14.989	14.989					10.000	10.000
3	Trạm y tế xã Thường Tân	Thường Tân	Cấp III	2021-2023								10.000	10.000
4	Trạm y tế xã Bình Mỹ	Bình Mỹ	Cấp III	2021-2023								10.000	10.000
5	Trạm y tế xã Đất Cuốc	Đất Cuốc	Cấp III	2021-2023								10.000	10.000
E	LĨNH VỰC VĂN HÓA					231.729	231.729	10.492	10.492	10.492	10.492	76.824	76.824
I	Ban Quản lý dự án					231.729	231.729	10.492	10.492	10.492	10.492	76.824	76.824
1	Thực hiện dự án					231.729	231.729	10.492	10.492	10.492	10.492	76.824	76.824
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021 -2025					44.997	44.997	10.492	10.492	10.492	10.492	38.796	38.796
1	Xây dựng chợ Tân Định	Tân Định	Cấp IV	2021-2023	4354; 19/12/2019	14.999	14.999	769	769	769	769	7.250	7.250
2	Trung tâm Văn hóa, thể thao-học tập cộng đồng xã Tân Lập (giai đoạn 2)	Tân Lập	Cấp III	2021-2023	2976; 12/11/2020	14.999	14.999					5.250	5.250
3	Trung tâm Văn hóa, thể thao-học tập cộng đồng xã Hiếu Liêm (giai đoạn 2)	Hiếu Liêm	Cấp III	2021-2023	2976; 12/11/2020	14.999	14.999	9.723	9.723	9.723	9.723	5.250	5.250

4	Trung tâm văn hóa, thể thao - học tập cộng đồng xã Bình Mỹ (giai đoạn 2)	Bình Mỹ	Cấp III	2021-2023	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	11.046	-	11.046	-
5	Xây dựng công chào UBND huyện Bắc Tân Uyên	Tân Thành	Cấp IV	2021-2023	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10.000	-	10.000	-
b	Dự án chuyển tiếp					89.038	89.038	36.286	36.286	36.286	36.286	36.286	36.286	36.286	36.286	36.286	28.936	28.936	28.936	28.936
1	Trung tâm văn hóa - Học tập cộng đồng xã Tân Lập (giai đoạn 1)	Tân Lập	Cấp IV	2020-2022	3501; 30/10/2019	14.999	14.999	9.793	9.793	9.793	9.793	9.793	9.793	9.793	9.793	9.793	4.206	-	4.206	-
2	Trung tâm Văn hóa, thể thao-học tập cộng đồng xã Lạc An (giai đoạn 2)	Lạc An	Cấp IV	2020-2022	3505; 30/10/2019	14.998	14.998										4.100	-	4.100	-
3	Trung tâm Văn hóa, thể thao-học tập cộng đồng xã Đất Cuốc (giai đoạn 2)	Đất Cuốc	Cấp IV	2020-2022	3506; 30/10/2019	14.999	14.999										5.000	-	5.000	-
4	Trung tâm Văn hóa, thể thao-học tập cộng đồng xã Hiếu Liêm (giai đoạn 1)	Hiếu Liêm	Cấp IV	2020-2022	3500; 30/10/2019	14.998	14.998	9.789	9.789	9.789	9.789	9.789	9.789	9.789	9.789	9.789	4.200	-	4.200	-
5	Trung tâm Văn hóa, thể thao-học tập cộng đồng xã Bình Mỹ (giai đoạn 1)	Bình Mỹ	Cấp IV	2020-2022	2780; 11/9/2019	14.046	14.046	9.604	9.604	9.604	9.604	9.604	9.604	9.604	9.604	9.604	5.000	-	5.000	-
6	Trung tâm văn hóa - Học tập cộng đồng xã Tân Định (giai đoạn 2)	Tân Định	Cấp IV	2020-2022	3502; 30/10/2019	14.998	14.998	7.100	7.100	7.100	7.100	7.100	7.100	7.100	7.100	7.100	6.430	-	6.430	-
c	Dự án thanh toán khối lượng					97.694	97.694	50.804	50.804	50.804	50.804	50.804	50.804	50.804	50.804	50.804	9.092	-	9.092	-
1	Trung tâm văn hóa xã Tân Định (giai đoạn 1)	Tân Định	Cấp IV	2019-2021	2994; 29/10/2019	14.997	14.997	9.231	9.231	9.231	9.231	9.231	9.231	9.231	9.231	9.231	2.000	-	2.000	-
2	Trung tâm văn hóa xã Đất Cuốc (giai đoạn 1)	Đất Cuốc	Cấp IV	2019-2021	3011; 30/10/2020	10.297	10.297	8.417	8.417	8.417	8.417	8.417	8.417	8.417	8.417	8.417	987	-	987	-
3	Trung tâm văn hóa xã Tân Mỹ (giai đoạn 2)	Tân Mỹ	Cấp IV	2019-2021	3012; 30/10/2020	14.998	14.998	13.466	13.466	13.466	13.466	13.466	13.466	13.466	13.466	13.466	1.767	-	1.767	-
4	Trung tâm văn hóa và học tập cộng đồng xã Lạc An	Lạc An	Cấp IV	2019-2021	3015; 30/10/2020	10.331	10.331	9.292	9.292	9.292	9.292	9.292	9.292	9.292	9.292	9.292	1.038	-	1.038	-
5	Trung tâm văn hóa xã Tân Mỹ (giai đoạn 1)	Tân Mỹ	Cấp III	2017-2019	3239; 27/10/2017	12.417	12.417	10.398	10.398	10.398	10.398	10.398	10.398	10.398	10.398	10.398	400	-	400	-
6	Xây dựng Đài tưởng niệm liệt sỹ huyện Bắc Tân Uyên	Đất Cuốc	Cấp IV	2019-2021	3475; 11/12/2018	34.654	34.654										2.900	-	2.900	-
F	LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG					17.680	3.287	3.114	3.114	3.114	3.114	3.114	3.114	3.114	3.114	3.114	5.096	-	5.096	-